

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN**

Tuyên Quang, năm 2020

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	3
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào	4
2.1.1. Tầm nhìn.....	4
2.1.2. Sứ mạng.....	4
2.1.3. Mục tiêu giáo dục	4
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kinh tế Và QTKD.....	4
2.2.1. Tầm nhìn.....	4
2.2.2. Sứ mạng.....	4
2.3. Mục tiêu của chương trình	4
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	5
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	6
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	6
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	6
5.2. Quy trình đào tạo	6
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	6
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	7
6.1. Đội ngũ giảng viên	7
6.2. Cơ sở vật chất.....	7
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	8
7.1. Các phương pháp dạy học	8
7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	9
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	9
8.1. Quy trình đánh giá.....	9
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	9
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	10
9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa	10
9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	10
9.3. Nội dung chương trình	14
9.4. Kế hoạch giảng dạy	19
9.5. Bản đồ dạy học	22
9.6. Tóm tắt nội dung học phần.....	24
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	35
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	35

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Trường Đại học Tân Trào được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tạo Kế toán trình độ đại học hệ chính quy theo Quyết định số 6277/QĐ- BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ khi mở mã ngành, Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tân Trào, phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương, của vùng kinh tế, tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế; đối sánh với các chương trình của các Trường Đại học khác trong và ngoài nước. Đến nay, chương trình đào tạo ngành Kế toán đã được rà soát, chỉnh sửa 3 lần theo đúng quy trình đánh giá chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 07/2015/TT-bgdđt ngày 16/4/2015.

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-ĐHTT ngày 23/10/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, đào tạo theo hướng thực hành nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ, năng lực tự chủ, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo, các chuẩn đầu ra thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp, nội dung chi tiết chương trình đào tạo, kế hoạch thực hiện và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Kế toán**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Accounting**
- Mã ngành đào tạo: **7340301**
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kinh tế và QTKD, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.2. Sứ mạng

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kinh tế và QTKD

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Kinh tế và QTKD phấn đấu phát triển thành Khoa đào tạo định hướng thực hành, đa ngành có uy tín, đạt chất lượng khu vực trong lĩnh vực kế toán, quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh.

2.2.2. Sứ mạng

Phấn đấu trở thành một đơn vị trong nhà trường có uy tín về đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo có chất lượng, có thương hiệu về lĩnh vực kế toán, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh của khu vực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, năng động; có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kế toán, thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn, thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán – tài chính và phục vụ cộng đồng.

Từ mục tiêu chung, Chương trình đào tạo ngành Kế toán hướng tới đào tạo người học đạt được các mục tiêu cụ thể (viết tắt là MT) như sau:

MT1: Có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, năng động.

MT2: Vận dụng kiến thức khoa học, nguyên lý, quy luật tự nhiên – xã hội vào thực tiễn.

MT3: Tích lũy kiến thức chuyên môn toàn diện để thực hiện công việc chuyên môn, trở thành doanh nhân, nhà quản lý trong các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

MT4: Có kỹ năng thực hành thành thạo về chuyên ngành kế toán, tài chính; kỹ năng mềm phục vụ công việc chuyên môn và đời sống.

MT5: Có khả năng tự học tập suốt đời, năng lực học tập nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán tổng hợp, người học cần đạt được các yêu cầu sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có sức khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
CĐR 2	Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
CĐR 3	Thực hiện tổ chức công tác kế toán dựa trên các nguyên tắc và quy định hiện hành.
CĐR 4	Phân tích tình hình tài chính, kế toán để phục vụ ra quyết định của nhà quản trị.
CĐR 5	Đánh giá mức độ tuân thủ chế độ kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong công tác kế toán.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 6	Thực hiện thành thạo các kỹ năng xử lý hệ thống chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán.
CĐR 7	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu, tư duy, lập luận trong thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kế toán.
Kỹ năng mềm	
CĐR 8	Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và dẫn dắt khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn.
CĐR 9	Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...) phục vụ công tác chuyên môn.
CĐR 10	Vận dụng kiến thức giao tiếp tiếng Anh cơ bản để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, diễn đạt một số tình huống chuyên môn thông thường.
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 11	Tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân; có hành vi ứng xử chuyên nghiệp, vì lợi ích cộng đồng.
CĐR 12	Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Người học sau khi tốt nghiệp ngành kế toán có thể công tác trong các lĩnh vực và vị trí liên quan đến:

- Các bộ phận kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ, các công ty dịch vụ về kế toán, kế hoạch-tài chính, phân tích kinh tế tài chính trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng....

- Tự thành lập và quản lý, điều hành hoạt động về kinh tế, tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập.

5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực hành nghề và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. *Đội ngũ giảng viên*

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 1508/QĐ-ĐHTTr ban hành ngày 25/09/2013. Tính đến 6/2020, đội ngũ giảng viên trong Khoa bao gồm 16 giảng viên. Hiện độ tuổi bình quân của giảng viên của Khoa là 33,6 tuổi; số cán bộ giảng dạy đạt trình độ Tiến sĩ là 02 (chiếm 12,5%), còn là trình độ Thạc sĩ; số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 06 (chiếm 37,5%) trong đó có 04 nghiên cứu sinh nước ngoài và 02 nghiên cứu sinh trong nước. Tổng số giảng viên tham gia công tác đào tạo ngành Kế toán là 40 giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên bao gồm GV cơ hữu của Khoa, GV thuộc các đơn vị khác trong Nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học khác như Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh,... Đến năm 2021, Khoa sẽ có thêm 3 giảng viên bảo vệ luận án tiến sĩ. Hiện nay, Khoa có 01 GV chính và 100% GV có chứng chỉ Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu.

Khoa Kinh tế và QTKD có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ngành Kế toán. Hiện tại, khối lượng công việc, thời gian làm việc và định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện căn cứ vào Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-ĐHTTr ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào. Nhà trường quy định cụ thể về việc quy đổi giờ chuẩn (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh.

Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục thu hút các GV có trình độ cao, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt các hoạt động đào tạo ngành Kế toán.

6.2. *Cơ sở vật chất*

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh được bố trí 01 phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường...

Hiện nay, nhà trường có 45 phòng học tiêu chuẩn, 01 hội trường lớn, 22 phòng thực hành, thí nghiệm trong đó có 02 phòng thực hành bao gồm 01 phòng thực hành máy tính và 01 phòng thực hành kế toán ảo. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera giám sát, hệ thống phòng máy tính gắn máy lạnh góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, các trang thiết bị thường được bổ sung định kỳ, hệ thống bàn học cũng định kỳ tu sửa hoặc thay mới khi hư hỏng tạo môi trường tốt nhất cho sinh viên. Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường có 03 phòng nghiên cứu tài liệu chuyên sâu - phòng học nhóm, các khu học tập thể, hệ thống wifi một số khu vực trong khuôn viên Nhà trường giúp sinh viên có môi trường tự học và làm việc nhóm tốt hơn, phát huy tối đa hiệu quả của công tác tự học, tự nghiên cứu trong sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có 01 khu thể dục - thể thao với 01 nhà tập thể dục đa năng, sân bóng đá nhân tạo, sân bóng chuyên,...

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Kế toán.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành thí nghiệm; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Hình thức và phương pháp giảng dạy

Hoạt động dạy học	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar	<ul style="list-style-type: none">- Thuyết giảng- Bài học- Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán- Trình diễn mẫu- Luyện tập & thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các học phần được chọn lựa trong CTĐT có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên dựa trên vấn đề, người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất về kinh phí và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần thực tập 1,2, khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu- Giải quyết vấn đề- Nghiên cứu tình huống
Học tập trải nghiệm	Các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn chuyên ngành (Kế toán máy, Khởi sự kinh doanh, Thực hành kế toán...) sinh viên được trang bị học tập tại phòng thực hành hoặc thực tập doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Mô phỏng- Hình ảnh tập trung- Đóng vai- Mô hình- Thực tế- Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong	<ul style="list-style-type: none">- Tranh luận

	các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, thực tập doanh nghiệp, tham quan thực tế và khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong học phần khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thực hành, trình bày hồ sơ thực hành và học tập tự do.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công công việc cá nhân

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm/lần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015). Từ khi mở mã ngành năm 2014, CTĐT ngành Kế toán đã tiến hành rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2016, 2018 và 2020 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng tháng Khoa xây dựng kế hoạch và triển khai công tác dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm. Kết thúc mỗi tháng, Khoa tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các giờ giảng được dự trong tháng.

Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Kết quả khảo sát được gửi về Khoa và tới từng giảng viên.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Việc đánh giá sinh viên được thực hiện theo Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần ban hành kèm theo Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí được quy định tại Điều 4, Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã được nhà trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học

phần theo thang điểm 4 mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá người học dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và khối lượng kiến thức tương ứng với các tín chỉ trong học phần. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá cụ thể được đề cập trong đề cương chi tiết của các học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng- An ninh)

- Kiến thức giáo dục đại cương: 29 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của ngành: 23 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 32 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ
- Thực tập: 8 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng					TĐ, NLTC, CTN	
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
A. Kiến thức giáo dục đại cương														
I. Lý luận chính trị														
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	2												
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3												
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3												
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3												

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					TB, NLTC, CTN	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
II. Ngoại ngữ													
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3									2	
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		2									3	
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		3									2	
III. Khoa học tự nhiên													
TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế		2										
TN2.1.120.2	Xác suất và thống kê A		2										
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2							3			
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn													
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2										3
V. Giáo dục thể chất (GDTC)													
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô		2										
KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô		3										
KT2.1.009.3	Luật kinh tế					2							3
KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán			2									
KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê		3										
KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ		2										
Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)													
KT2.1.003.2	Marketing căn bản		2										
KT2.1.011.3	Quản trị học		2										
TN2.1.112.2	Mô hình toán kinh tế		2										
KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế		2						2				
LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế		2										
XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản		2										

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					TD, NLTC, CTN	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
KT2.1.006.3	Kinh tế lượng		2										
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1			2									
KT2.1.013.4	Kế toán quản trị				3								
KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2			3									
KT2.1.046.3	Phương pháp N.cứu kinh tế						3						2
KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán					3							2
NN2.1.015.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán							2		3			
KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước					2						2	
KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp				3								
Tự chọn (chọn 6 trong 12 tín chỉ)													
KT2.1.015.3	Tài chính công			2									
KT2.1.027.3	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ			2									
KT2.1.032.3	Thanh toán quốc tế		2					2					
KT2.1.004.3	Luật và chuẩn mực kế toán					2							3
III. Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp			3			2						
KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa			3			2						
KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3			3									
KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh							3					
KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh				3								
KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCTH)						2			3			
KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)						3						3
KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính						3						3

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra														
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					TB, NLTC, CTN				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12			
	sự nghiệp(1 TC = 30 giờ)															
Tự chọn (chọn 8 trong 14 tín chỉ)																
TN2.1.505.2	Tin học ứng dụng trong kế toán								2							
KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại						2									
KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp			2			2									
KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán				2											
KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp			2												
KT2.1.023.2	Định giá tài sản				2											
KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán								2							
IV. Thực tập																
KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 45 giờ)						3		2							3
KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 45 giờ)							3	2							3
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																
Khóa luận tốt nghiệp																
KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 45 giờ)							3								3
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 14 tín chỉ)																
KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại			2												
KT2.1.153.2	Kế toán NSNN và nghiệp vụ kho bạc			2												
KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế			2												
KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã			2												
KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính					3								2		
KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp				2											

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					TĐ, NLTC, CTN	
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
KT2.1.019.2	Kế toán thuế						3					3	
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 130 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

9.3. Nội dung chương trình

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			29	285	135	30		
I. Lí luận Chính trị			11	141	9	30		
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	44	1			
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5		LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1		LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21.5	1	15	LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21.5	1	15	LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9	63	72			
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	24			
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	21	24		NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	21	24		NN2.1.002.3	
III. Khoa học tự nhiên			7	52	53			
9	TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	3	22	23			
10	TN2.1.120.2	Xác suất và thống kê A	2	15	15		TN2.1.114.3	
11	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			
IV. Khoa học xã hội			2	29	1			
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1			
V. Giáo dục Thể chất			7					

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	
Bắt buộc							
13	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1	02				
Tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)							
14	TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	03				
15	TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	03				
16	TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	03				
17	TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	03				
18	TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	03				
19	TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điện kinh 1)	03				
20	TC2.1.018.3	GD Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	03				
21	TC2.1.020.3	GD Thể chất 2 (Boi lội 1)	03				
Tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)							
22	TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	02				
23	TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	02				
24	TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	02				
25	TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	02				
26	TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	02				
27	TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điện kinh 2)	02				
28	TC2.1.019.2	GD Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	02				
29	TC2.1.021.2	GD Thể chất 3 (Boi lội 2)	02				
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9				
30	TC2.1.014.3	QDQP – An ninh 1	03				
31	TC2.1.015.2	QDQP – An ninh 2	02				

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
32	TC2.1.016.2	QDQP – An ninh 3	02					
33	TC2.1.017.2	QDQP – An ninh 4	02					
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101	780	495	240	630	
I. Kiến thức cơ sở của ngành			23	225	120			
Bắt buộc			18	180	90			
34	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	3	30	15			TN2.1.114.3
35	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô	3	30	15			KT2.1.001.3
36	KT2.1.009.3	Luật kinh tế	3	30	15			LL2.1.007.2
37	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán	3	30	15			
38	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	3	30	15			TN2.1.114.3
39	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ	3	30	15			
Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)			5	45	30			
Tự chọn 1:								
40	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	2	15	15			
41	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản	2	15	15			
42	TN2.1.112.2	Mô hình toán kinh tế	2	15	15			
43	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế	2	15	15			
44	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	15			LL2.1.042.2
Tự chọn 2:								
45	KT2.1.011.3	Quản trị học	3	30	15			
46	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	3	30	15			TN2.1.120.2
II. Kiến thức ngành			32	300	180			
Bắt buộc			26	240	150			
47	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	3	30	15			KT2.1.005.3
48	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	4	30	30			KT2.1.005.3
49	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	4	30	30			KT2.1.012.3
50	KT2.1.046.3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	15			
51	KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán	3	30	15			KT2.1.005.3
52	NN2.1.015.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	30	15			NN2.1.003.3
53	KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước	3	30	15			
54	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	3	30	15			KT2.1.008.3
Tự chọn (chọn 6 trong 12 tín chỉ)			6	60	30			
Tự chọn 1:								
55	KT2.1.015.3	Tài chính công	3	30	15			
56	KT2.1.032.3	Thanh toán quốc tế	3	30	15			
Tự chọn 2:								

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
57	KT2.1.027.3	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	3	30	15			KT2.1.005.3
58	KT2.1.004.3	Luật và chuẩn mực kế toán	3	30	15			
III. Kiến thức chuyên ngành			32	210	150	240		
Bắt buộc			24	150	90	240		
59	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	15			KT2.1.005.3
60	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	30	15			KT2.1.005.3
61	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	3	30	15			KT2.1.014.4
62	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	15	30			
63	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15			KT2.1.026.3
64	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCTH)	3	15		60		KT2.1.026.3
65	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)	3			90		KT2.1.026.3
66	KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)	3			90		KT2.1.024.3
Tự chọn (chọn 8 trong 14 tín chỉ)			8	60	60			
67	TN2.1.505.2	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	15	15			TN2.1.501.2
68	KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	15	15			KT2.1.008.3
69	KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	15	15			KT2.1.005.3
70	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán	2	15	15			
71	KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	15	15			KT2.1.005.3
72	KT2.1.023.2	Định giá tài sản	2	15	15			
73	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán	2	15	15			KT2.1.005.3
IV. Thực tập			8				360	
74	KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 45 giờ)	4				180	KT2.1.024.3 KT2.1.026.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
75	KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 45 giờ)	4				180	KT2.1.037.3 KT2.1.036.3 KT2.1.030.3
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6				270	
Khóa luận tốt nghiệp								
76	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 45 giờ)	6				270	KT2.1.038.4
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 12 tín chỉ)			6	45	45			
77	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	2	15	15			KT2.1.005.3
78	KT2.1.153.2	Kế toán NSNN và NVKB	2	15	15			KT2.1.005.3
79	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế	2	15	15			
80	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	15	15			KT2.1.005.3
81	KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	15	15			KT2.1.016.3
82	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	15	15			
83	KT2.1.019.2	Kế toán thuế	2	15	15			KT2.1.022.3
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			130	1.065	630	270	630	

9.4. Kế hoạch giảng dạy

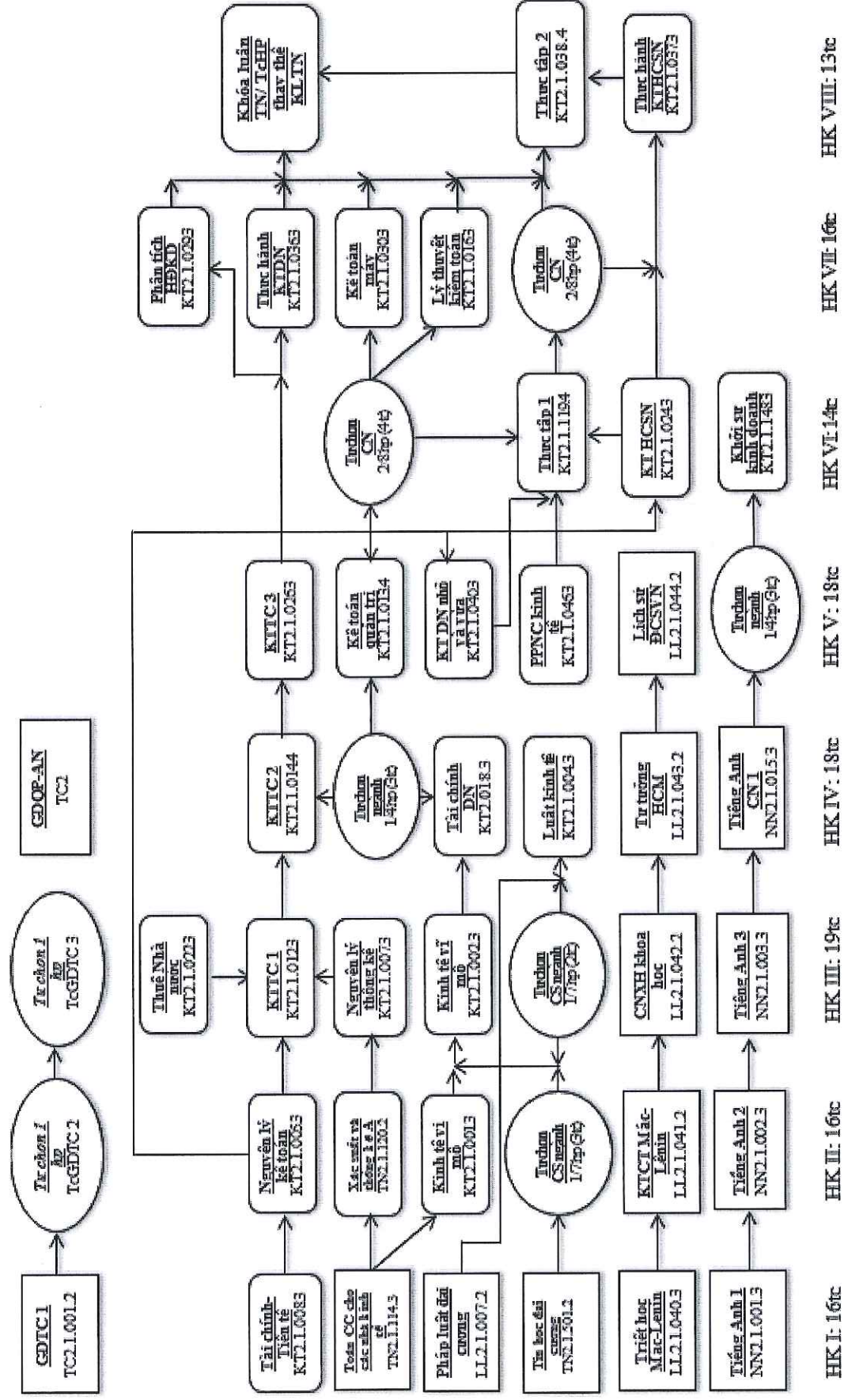
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin		3	3									
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3									
3	TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế		3	3									
4	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2	2									
5	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ		3	3									
6	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2									
7	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1		2	2									
8	QDQP – An ninh			9	9									
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LL2.1.040.3	2	2									
10	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3	3									
11	TN2.1.120.2	Xác suất và thống kê A	TN2.1.114.3	2	2									
12	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	TN2.1.114.3	3	3									
13	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán		3	3									
14	Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (03TC)			3	3									
15	GD Thể chất 2 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)		TC2.1.001.2	3	3									
16	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2	2									

17	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3						
18	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô	KT2.1.001.3	3						
19	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	TN2.1.114.3	3						
20	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	KT2.1.005.3	3						
21	KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước		3						
22	<i>Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (02TC)</i>			2						
23	<i>GD Thẻ chất 3 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)</i>		TC2.1.002.3	2						
24	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2			2			
25	KT2.1.009.3	Luật kinh tế	LL2.1.007.2	3			3			
26	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	KT2.1.012.3	4			4			
27	NN2.1.015.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	NN2.1.003.3	3			3			
28	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	KT2.1.008.3	3			3			
29	<i>Tự chọn kiến thức ngành (03TC)</i>			3			3			
30	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2				2		
31	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	KT2.1.005.3	4				4		
32	KT2.1.046.3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3				3		
33	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	KT2.1.005.3	3				3		
34	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	KT2.1.014.4	3				3		
35	<i>Tự chọn kiến thức ngành (03TC)</i>			3				3		

36	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh											3				
37	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	KT2.1.005.3										3				
38	KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 45 giờ)	KT2.1.024.3 KT2.1.026.3										4				
39	<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành (04 TC)</i>												4				
40	KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán	KT2.1.005.3										3				
41	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	KT2.1.026.3										3				
42	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT; 2TCTH)	KT2.1.026.3										3				
43	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)	KT2.1.026.3										3				
44	<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành (04TC)</i>																4
45	KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)	KT2.1.024.3										3				
46	KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 45 giờ)	KT2.1.036.3 KT2.1.037.3 KT2.1.030.3										4				
47	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 45 giờ)	KT2.1.038.4										6				
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 14 tín chỉ)																6
48	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	KT2.1.005.3										2				
49	KT2.1.153.2	Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho	KT2.1.005.3										2				

		bạc																		
50	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế								2										
51	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	KT2.1.005.3							2										
52	KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính	KT2.1.016.3							2										
53	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp								2										
54	KT2.1.019.2	Kế toán thuế	KT2.1.022.3							2										
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)										130	16	16	16	18	18	19	16	14	16	13

9.5. Bàn đồ dạy học



BẢN ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH KẾ TOÁN NĂM 2020

9.6. Tóm tắt nội dung học phần

9.6.1. Triết học Mác – Lênin (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về Triết học Mác - Lênin. Hiểu được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9.6.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền; học phần cung cấp cho người học kiến thức về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đề trên cơ sở đó, người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá các hiện tượng kinh tế chính trị.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về CNXH Khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH đề từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn CNXH trên thế giới và trong nước.

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hoá, đạo đức, con người.

9.6.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

9.6.6. Tiếng Anh 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.7. Tiếng Anh 2 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, mô tả tranh, mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

9.6.8. Tiếng Anh 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần này gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,... Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn.

9.6.9. Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Không gian vectơ số học n chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số, phương trình vi phân ứng dụng cho các nhà kinh tế như thế nào.

9.6.10. Xác suất và thống kê A (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết.

9.6.11. Tin học đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.12. Pháp luật đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.6.13. Giáo dục thể chất (7TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn;

cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, bơi lội), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ...Nhằm phát triển con người toàn diện (Đức – Trí – Thể - Mỹ)

9.6.14. Giáo dục quốc phòng (9TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.

9.6.15. Kinh tế vi mô (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế.

Học phần cung cấp các kiến thức kinh tế cơ bản của doanh nghiệp, bao gồm: khái quát về kinh tế học, lý thuyết cầu - cung, độ co giãn, lý thuyết lợi ích, sản xuất - chi phí - lợi nhuận, cấu trúc thị trường, thị trường lao động và những thất bại của thị trường.

9.6.16. Kinh tế vĩ mô (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề tổng quan của nền kinh tế vĩ mô, đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng; cung cấp kiến thức về tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát; xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế nhằm giải thích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ và các vấn đề của nền kinh tế mở.

9.6.17. Luật kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh, quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý hoạt động, giải thể, phá sản đối với các loại hình kinh doanh. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng các hình thức cơ bản tại Việt Nam.

9.6.18. Nguyên lý kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Bản chất, chức năng, vai trò, nguyên tắc, chuẩn mực của hạch toán kế toán. Phân loại tài sản theo kết cấu vốn và nguồn

hình thành tài sản; Hệ thống các phương pháp chuyên môn của kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán; hình thức tổ chức bộ máy kế toán hiện nay đang áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp.

9.6.19. Nguyên lý thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học người học biết vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...vv). Từ đó tính toán được các chỉ tiêu kinh tế cơ bản để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

9.6.20. Tài chính – Tiền tệ (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính – tiền tệ như nguồn gốc, bản chất, các chức năng của tài chính – tiền tệ. Giới thiệu hệ thống tài chính Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và mở, các ngân hàng và tổ chức tài chính. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề như lãi suất, lạm phát,...

9.6.21. Marketing căn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về các nguyên lý hoạt động Marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh; các khái niệm về Marketing; công tác nghiên cứu thị trường và hành vi người tiêu dùng; xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra Marketing; nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và hoạt động truyền thông Marketing.

9.6.22. Soạn thảo văn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Đại cương về văn bản quản lý hành chính nhà nước; Hệ thống văn bản quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành; Những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; Văn phong và ngôn ngữ văn bản; Quy trình xây dựng và ban hành văn bản; Soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; Văn bản hành chính thông thường.

9.6.23. Mô hình toán kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Mô hình cân đối liên ngành; mô hình tối ưu tuyến tính, bài toán quy hoạch tuyến tính.

9.6.24. Kinh tế quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự tham gia của các nước trong thực thi các chính sách kinh tế quốc tế và giải quyết các vấn đề toàn cầu.

9.6.25. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế bao gồm các nội dung cơ bản về hệ thống các quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển; học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX; kinh tế chính trị học Mác- Lênin; học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

9.6.26. Quản trị học (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học và các chức năng quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Truyền đạt thông tin và ra quyết định của các nhà quản trị trong tổ chức.

9.6.27. Kinh tế lượng (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – Thống kê

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

9.6.28. Kế toán tài chính 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các phần hành kế toán: tổng quan về kế toán tài chính, kế toán vốn bằng tiền; kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa; kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Trong từng phần hành kế toán, người học cần nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan.

9.6.29. Kế toán quản trị (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán quản trị tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về: Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp, Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp, Kế toán quản trị chi phí giá thành, định giá bán sản phẩm, kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh, mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn, dự toán sản xuất, kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh, Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý, Kế toán quản trị chiến lược, Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

9.6.30. Kế toán tài chính 2 (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

Học phần tập trung nghiên cứu nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán, chứng từ và tài khoản sử dụng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

9.6.31. Phương pháp nghiên cứu kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Thiết kế nghiên cứu và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học; Ngoài ra người học cũng được trang bị các kiến thức, kỹ năng và thực hành viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học

9.6.32. Lý thuyết kiểm toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ sở về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; Đối tượng, một số khái niệm trong kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức bộ máy kiểm toán. Từ đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện một số công việc cơ bản hoặc tham gia một phần công việc của một cuộc kiểm toán, và có thể tiếp thu những nội dung kiến thức chuyên môn thuộc các học phần nghiệp vụ chuyên ngành.

9.6.33. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3.

Học phần gồm cung cấp các kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ cơ bản trong báo cáo tài chính, kế toán thuế, kiểm toán; kế toán quản trị; đầu tư.

9.6.34. Thuế nhà nước (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về từng sắc thuế theo quy định của Nhà nước: thuế Giá trị gia tăng; thuế Tiêu thụ đặc biệt; thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân và các loại thu khác như thuế Nhà đất; thuế Bảo vệ môi trường, phí và lệ phí...

9.6.35. Tài chính doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Học phần giới thiệu một cách có hệ thống nội dung rất cơ bản về tài chính doanh nghiệp, từ chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, các loại doanh thu, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh... đến các kiến thức hiện đại về quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường như: chi phí sử dụng vốn, chi phí sử dụng vốn bình quân, chi phí sử dụng vốn cận biên, giá trị thời gian của tiền, các quyết định tài chính dài hạn. Đồng thời còn trang bị kiến thức cơ bản cho

người học để xem xét trên giác độ tài chính đối với một số trường hợp đặc biệt như: sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, thanh lý và phá sản doanh nghiệp.

9.6.36. Tài chính công (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung tổng quan về quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý quỹ ngân sách nhà nước.

9.6.37. Thanh toán quốc tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập chung nghiên cứu những kiến thức căn bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương bao gồm các điều kiện thương mại quốc tế, các thủ tục hải quan, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế.

9.6.38. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp thương mại dịch vụ bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu; Kế toán kinh doanh các hoạt động dịch vụ.

9.6.39. Luật và chuẩn mực kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

9.6.40. Kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc lĩnh vực kế toán HCSN: tổ chức công tác kế toán; kế toán vốn bằng tiền; đầu tư tài chính; các khoản phải thu và ứng trước; kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; kế toán các khoản phải trả, phải nộp; kế toán nguồn vốn và các quỹ; kế toán các khoản thu - chi; kế toán xác định kết quả; báo cáo kế toán hành chính sự nghiệp.

9.6.41. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu, vật liệu, CCDC và TSCĐ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá

thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ sản phẩm, chi phí quản lý kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận. Đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức về lập báo cáo tài chính.

9.6.42. Kế toán tài chính 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc phần hành kế toán: các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. Nội dung, quy định và phương pháp lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

9.6.43. Khởi sự kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết đưa doanh nghiệp phát triển.

9.6.44. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 3

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh bao gồm phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ - lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích báo cáo tài chính.

9.6.45. Kế toán máy (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 3

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo các báo cáo kế toán theo yêu cầu, tổ chức triển khai tổ chức bộ máy kế toán trong môi trường xử lý thông tin trên phần mềm kế toán. Người học được thực hành trên máy vi tính các phần hành kế toán: kế toán vốn bằng tiền; kế toán mua hàng và bán hàng; kế toán kho; kế toán công cụ dụng cụ và TSCĐ; kế toán tiền lương và giá thành; kế toán thuế và kế toán tổng hợp. Kết xuất báo cáo kế toán.

9.6.46. Thực hành kế toán doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 3.

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; lập các chứng từ và ghi sổ sách kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết) liên quan đến kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ và cá tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản phải trích theo lương; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; lập báo cáo tài chính; sắp xếp, đóng, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán.

9.6.47. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần hướng dẫn cho sinh viên thao tác tương đối thành thạo các công việc chuyên môn theo đúng quy trình của công việc của kế toán trên máy vi tính, theo tài liệu kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp. Cụ thể: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật tư; sản phẩm, hàng hoá và tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Lập báo cáo tài chính; Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán.

9.6.48. Tin học ứng dụng trong kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về phần mềm MS Word, MS Excel, MS PowerPoint. Hướng dẫn người học ứng dụng tốt MS Excel để lập các bảng tính, quản trị dữ liệu, vẽ và hiệu chỉnh biểu đồ chuyên dụng, Sử dụng các hàm Excel để giải quyết một số bài toán kinh tế. Sử dụng phần mềm MS Project để tạo lịch biểu và quản lý nguồn lực của dự án phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này.

9.6.49. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày một cách tổng quan các nghiệp vụ ngân hàng: Nghiệp vụ huy động vốn (huy động qua tiền gửi, huy động qua phát hành các giấy tờ có giá); Nghiệp vụ tín dụng (Nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân, cho vay khách hàng doanh nghiệp, nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán, nghiệp vụ cho thuê tài chính, nghiệp vụ bảo lãnh); Nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

9.6.50. Kế toán doanh nghiệp xây lắp (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây lắp: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây lắp; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây lắp như: Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong lập báo cáo tài chính.

9.6.51. Thị trường chứng khoán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định hoạt động chứng khoán tại Việt Nam, các kỹ thuật phân tích, đánh giá và đầu tư cơ bản về một số loại chứng khoán chủ yếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.6.52. Tổ chức công tác kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về tổ chức công tác kế toán: Các hình thức tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ở doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và xây dựng

quy trình hạch toán, tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán, tổ chức thực hiện chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, tổ chức công tác kế toán trường hợp đơn vị kế toán bị chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

9.6.53. Định giá tài sản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức về nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, các phương pháp định giá bất động sản, định giá máy, thiết bị, xác định giá trị doanh nghiệp để từ đó có thể đánh giá và thực hiện tốt công tác tổ chức định giá tài sản. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng, thái độ phục vụ cho quá trình học tập và làm việc sau này.

9.6.54. Hệ thống thông tin kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp.

9.6.55. Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 3, Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

9.6.56. Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Thực hành kế toán doanh nghiệp; Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán máy.

Học phần giúp người học củng cố và bổ sung kiến thức lý luận, nghiệp vụ chuyên môn ngành, nghề được đào tạo, nắm vững quy trình và các thao tác thực hành, vận dụng kiến thức đã học để phân tích giải quyết các vấn đề thực tiễn công tác hạch toán kế toán ở đơn vị cơ sở thực tập; rèn luyện phương pháp công tác và năng lực tổ chức thực hiện công tác kế toán, ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người cán bộ, viên chức làm việc trong một đơn vị cụ thể.

9.6.57. Kế toán ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán Ngân hàng thương mại cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại, kế toán các nghiệp vụ chủ yếu trong ngân hàng thương mại như: Kế toán huy động vốn, kế toán tài sản phục vụ kinh doanh, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

9.6.58. Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN là môn khoa học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán quỹ NSNN và kế toán nghiệp vụ KBNN bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN, cung cấp và cập nhật kiến thức về cách thức thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công tác kế toán NSNN theo quy định hiện hành, bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thu NSNN; Kế toán dự toán chi NSNN; Kế toán chi NSNN, Kế toán ghi thu, ghi chi và Cân đối thu chi NSNN; Kế toán vay nợ, viện trợ của nhà nước qua KBNN; Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN. Đồng thời, trang bị cho người học những kiến thức về báo cáo tài chính.

9.6.59. Kế toán quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung khái quát các chuẩn mực quốc tế về kế toán quốc tế; cung cấp kiến thức liên quan đến các phần hành kế toán cơ bản và báo cáo tài chính trong sự tương quan với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

9.6.60. Kế toán ngân sách và tài chính xã (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã, hướng dẫn phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán ngân sách và tài chính xã; Kế toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định; Kế toán thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã; Kế toán thu, chi và kết dư ngân sách xã; Hướng dẫn quy trình vào các sổ kế toán có liên quan và lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã.

9.6.61. Kiểm toán báo cáo tài chính (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên môn về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu trình và các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: Chu kỳ bán hàng và thu tiền; Chu kỳ mua hàng và thanh toán; Chu kỳ hàng tồn kho và chi phí; Tài sản cố định và chi phí khấu hao; Chu kỳ tiền lương và nhân sự; Tiền và các khoản tương đương tiền; Nợ phải trả; Nguồn vốn chủ sở hữu; và một số khoản mục khác. Thủ tục, phương pháp lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý cho cuộc kiểm toán.

9.6.62. Quản trị Tài chính doanh nghiệp (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

9.6.63. Kế toán thuế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Thuế Nhà nước

Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành: kế toán thuế giá trị gia tăng; kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp; kế toán thuế tiêu thụ đặc

biệt; kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; Kế toán thuế nhà thầu.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2020 đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

* Quốc tế

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán, trình độ đại học (BA (Hons) Accountancy) của trường Đại học Bolton, Vương quốc Anh (Đào tạo tại Viện đào tạo quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán và Tài chính, trình độ đại học của Trường Đại học East London (Đào tạo tại Đại học quốc gia Hà Nội).

* Việt Nam

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

- Trường Đại học Thương mại

Trong quá trình đối sánh cho thấy các CTĐT ngành Kế toán trong nước có số tín chỉ không có sự khác biệt nhiều, phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời cũng cho thấy CTĐT của Nhà trường CTĐT Kế toán của trường Đại học Tân Trào có tỷ lệ tương đồng khoảng 40% với các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài. Tuy nhiên, số lượng tín chỉ và các học phần có sự chênh lệch do phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình, quy định và mục tiêu chương trình của mỗi quốc gia cũng như sự khác biệt trong chế độ kế toán.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kế toán đã được điều chỉnh, kiểm tra từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2020 khi tiến hành chỉnh sửa chương trình đào tạo, được phê duyệt và ban hành vào tháng 10 năm 2020 theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Bá Đức

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Thị Kiều Trang